

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **28** /2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày **09** tháng **11** năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết Điều 8 của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy, bao gồm:

1. Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.
2. Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số cho dịch vụ cấp dấu thời gian tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.
3. Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.
4. Định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số công cộng tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.
5. Thông tin về các chứng thư chữ ký số gốc tin cậy tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy.
3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài đề nghị công nhận tại Việt Nam.



4. Tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số, giải pháp cho dịch vụ tin cậy.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến chữ ký số và dịch vụ tin cậy.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn triển khai việc áp dụng các định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

3. Trừ trường hợp lựa chọn áp dụng quy định tại Thông tư này, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đang hoạt động hợp pháp, trong vòng 02 năm kể từ ngày Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy có hiệu lực thi hành, phải có trách nhiệm rà soát, cập nhật định dạng thông tin trên chứng thư chữ ký số công cộng đáp ứng quy định tại Thông tư này.

4. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, trang thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, NEAC (20b).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng





ĐÌNH DẠNG THÔNG TIN TRÊN CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CHO DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG
(Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BKHHCN ngày 07 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Trường	Ý nghĩa	Quy định	
			Chứng thư chữ ký số cho	dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng
1	Version	Phiên bản của chứng thư chữ ký số	Version 3 (value = 2)	
2	Serial Number	Số hiệu chứng thư chữ ký số	Số nguyên dương ngẫu nhiên xác định duy nhất một chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, độ dài không quá 20 octet (byte)	
3	Signature	Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử quốc gia	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực	
4	Issuer	common Name	Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	
		organizationName	Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	
		countryName	VN	

5	Validity	notBefore	Thời điểm có hiệu lực của chứng thư chữ ký số	- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
		notAfter	Thời điểm hết hiệu lực của chứng thư chữ ký số	- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
6	Subject	userID	Định danh của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Mã/số định danh của tổ chức/ doanh nghiệp hoặc danh tính điện tử của tổ chức/ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được cấp chứng thư chữ ký số và các thông tin cần thiết khác (nếu có)
		commonName	Tên của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Tên giao dịch của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được cấp chứng thư chữ ký số
		organizationName	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (nếu có)
		stateOrProvinceName	Tên tỉnh/TP trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Tên của tỉnh/TP nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (nếu có)
		countryName	Tên nước	VN
7		algorithm	Thuật toán sinh khóa	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực



	Subject Public Key Info	subjectPublicKey	Khóa công khai của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực
8	Certificate Policies		Trách nhiệm thực hiện của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Tuân thủ Điều 29 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP
9	signatureAlgorithm		Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia	Cùng thuật toán tại trường số 3
10	signatureValue		Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia trên chứng thư chữ ký số	Chữ ký số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia trên chứng thư chữ ký số
11	Key Usage		Mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số	Mô tả mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số



Phụ lục II

ĐÌNH DẠNG THÔNG TIN TRÊN CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CHO DỊCH VỤ CẤP DẤU THỜI GIAN
(Kèm theo Thông tư số **18** /2025/TT-BKHCN ngày **15** tháng **11** năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Trường	Ý nghĩa	Quy định
1	Version	Phiên bản của chứng thư chữ ký số	Chứng thư chữ ký số cho dịch vụ cấp dấu thời gian Version 3 (value = 2)
2	Serial Number	Số hiệu chứng thư chữ ký số	Số nguyên dương ngẫu nhiên xác định duy nhất một chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian, độ dài không quá 20 octet (byte)
3	Signature	Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử quốc gia	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực
4	Issuer	common Name	Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP
		organizationName	Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP
		countryName	VN
5	Validity	notBefore	Thời điểm có hiệu lực của chứng thư chữ ký số - Trước năm 2050: UTCtime.



					- Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
	notAfter		Thời điểm hết hiệu lực của chứng thư chữ ký số		- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
	userID		Định danh của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian		Mã/số định danh của tổ chức/ doanh nghiệp hoặc danh tính điện tử của tổ chức/ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian được cấp chứng thư chữ ký số và các thông tin cần thiết khác (nếu có)
6	commonName		Tên của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian		Tên giao dịch của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian được cấp chứng thư chữ ký số
	organizationName		Tên của tổ chức/đơn vị quản lý tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian		Tên của tổ chức/đơn vị quản lý tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian (nếu có)
	stateOrProvinceName		Tên tỉnh/TP trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian		Tên của tỉnh/TP nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian (nếu có)
	countryName		Tên nước		VN
7	algorithm		Thuật toán sinh khóa		Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực
	subjectPublicKey		Khóa công khai của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian		Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực

8	Certificate Policies	Trách nhiệm thực hiện của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia và tổ chức cung cấp dịch vụ cấp dấu thời gian	Tuân thủ Điều 29 Nghị định số -23/2025/NĐ-CP
9	Extended Key Usage (Enhanced Key Usage)	Tên dịch vụ cung cấp	OID của dịch vụ cung cấp
10	signatureAlgorithm	Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia	Cùng thuật toán tại trường số 3
11	signatureValue	Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia trên chứng thư chữ ký số	Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia trên chứng thư chữ ký số
12	Key Usage	Mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số	Mô tả mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số



Phụ lục III

ĐÌNH DẠNG THÔNG TIN TRÊN CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CHO DỊCH VỤ CHỨNG THỰC THÔNG ĐIỆN DỮ LIỆU
(Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BKHCN ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Trường	Ý nghĩa	Quy định	
			Chứng thư chữ ký số cho	dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu
1	Version	Phiên bản của chứng thư chữ ký số	Version 3 (value = 2)	
2	Serial Number	Số hiệu chứng thư chữ ký số	Số nguyên dương ngẫu nhiên xác định duy nhất một chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, độ dài không quá 20 octet (byte)	
3	Signature	Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử quốc gia	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực	
4	Issuer	common Name	Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	
		organizationName	Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	
		countryName	VN	

5	Validity	notBefore	Thời điểm có hiệu lực của chứng thư chữ ký số	- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
		notAfter	Thời điểm hết hiệu lực của chứng thư chữ ký số	- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
6	Subject	userID	Định danh của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số	Mã/số định danh của tổ chức/ doanh nghiệp hoặc danh tính điện tử của tổ chức/ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số và các thông tin cần thiết khác (nếu có)
		commonName	Tên của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số	Tên giao dịch của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số
		organizationName	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số (nếu có)
		stateOrProvinceName	Tên tỉnh/TP trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số	Tên của tỉnh/TP nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp chữ ký số (nếu có)
		countryName	Tên nước	VN
7		algorithm	Thuật toán sinh khóa	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực

Subject Public Key Info		subjectPublicKey	Khóa công khai của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực
8	Certificate Policies		Trách nhiệm thực hiện của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu	Tuân thủ Điều 29 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP
9	Extended Key Usage (Enhanced Key Usage)		Tên dịch vụ cung cấp	OID của dịch vụ cung cấp
10	signatureAlgorithm		Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia	Cùng thuật toán tại trường số 3
11	signatureValue		Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia trên chứng thư chữ ký số	Chữ ký số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia trên chứng thư chữ ký số
12	Key Usage		Mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số	Mô tả mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số



Phụ lục IV

ĐÌNH DẠNG THÔNG TIN TRÊN CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

(Kèm theo Thông tư số 18 /2025/TT-BKHCA ngày 09 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Trường	Ý nghĩa	Quy định
			Chứng thư chữ ký số công cộng
1	Version	Phiên bản của chứng thư chữ ký số	Version 3 (value = 2)
2	Serial Number	Số hiệu chứng thư chữ ký số	Số nguyên dương ngẫu nhiên xác định duy nhất một chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp cho thuê bao, độ dài không quá 20 octet (byte)
3	Signature	Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực
4	Issuer	Định danh của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Mã/số định danh của tổ chức/ doanh nghiệp hoặc danh tính điện tử của tổ chức/ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và các thông tin cần thiết khác (nếu có)
	common Name	Tên giao dịch của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trong báo cáo triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy cấp chứng thư chữ ký số cho thuê bao	Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP

	organizationName	Tên của tổ chức/doanh nghiệp vận hành	Tên của tổ chức/doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng
	stateOrProvinceName	Tên tỉnh/TP trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Tên của tỉnh/TP nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (nếu có)
	countryName	Tên nước	VN
5	notBefore	Thời điểm có hiệu lực của chứng thư chữ ký số	- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
	notAfter	Thời điểm hết hiệu lực của chứng thư chữ ký số	- Trước năm 2050: UTCTime. - Từ năm 2050 trở đi: GeneralizedTime.
	userID	Định danh của thuê bao	Mã/số định danh của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư chữ ký số và các thông tin cần thiết khác (nếu có) <i>Các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa thuê bao và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.</i>
6	commonName	Tên của thuê bao	Tên của thuê bao được cấp chứng thư chữ ký số
	organizationName	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý thuê bao	Tên của tổ chức/đơn vị quản lý thuê bao (nếu có)
	stateOrProvinceName	Tên tỉnh/TP nơi sống/làm việc của thuê bao	Tên của tỉnh/TP nơi sống/làm việc của thuê bao bằng tiếng Việt, có dấu, các chữ cái đầu viết hoa (nếu có)
	countryName	Tên nước	VN

7	Subject Public Key Info	algorithm	Thuật toán sinh khóa	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực
		subjectPublicKey	Khóa công khai của thuê bao	Theo Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy đang có hiệu lực
8	Certificate Policies		Trách nhiệm thực hiện của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và thuê bao	Tuân thủ Điều 29 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP
9	Extended Key Usage (Enhanced Key Usage)		Tên dịch vụ cung cấp	OID của dịch vụ cung cấp
10	signatureAlgorithm		Thuật toán ký chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Cùng thuật toán tại trường số 3
11	signatureValue		Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trên chứng thư chữ ký số	Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trên chứng thư chữ ký số
12	Key Usage		Mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số	Mô tả mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số



(Kèm theo Thông tư số 28/2025/TV-BKHCN ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1.1. Danh sách các chứng thư chữ ký số gốc tin cậy dưới dạng PEM (Privacy Enhanced Mail) của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

STT	Chứng thư chữ ký số gốc tin cậy
1	Dạng PEM -----BEGIN CERTIFICATE----- MIID+DCCAuCgAwIBAgIJAP8wOuTpCsHtMA0GCSqGSIlb3DQEBlBQUAMGsxCzAJBgNVBAYTAIZOMR0wGwYDVQQKDBRCYW4gQ28geWV1IENoaW5oIHBoTE9MDsGA1UEAww0Q28gcXVhbiBjaHVuZyB0aHVjIHNvIGNodXllbiBkdW5nIENoaW5oIHBoTE9MDsAoUm9vdENBKTAeFw0xMDAzMTAwNTQlNTdaFw0zMdDAzMdUwNWTTQ1NTdaMGsxCzAJBgNVBAYTAIZOMR0wGwYDVQQKDBRCYW4gQ28geWV1IENoaW5oIHBoTE9MDsGA1UEAww0Q28gcXVhbiBjaHVuZyB0aHVjIHNvIGNodXllbiBkdW5nIENoaW5oIHBoTE9MDsALwDQYJKoZIhvcNAQEBBQADggEPADCCAQoCggEBAHzvexkvgl4dRUUnV6GMcvLdenKrrzYnVpzlp78ijBMqWcG+cu+AJS2GbqYdbsO6JnaNL\$uxxpM7Uejwi2QBTe2NXIy4TtkadbIjPIQHUIetTYeLTESUw0vOEuwTAM2PVmoSpdEPFw4o06E3/MCtiM0fSRuyyXM8uu0EyYqUowFJbEDERqqlPeU0okutsgzUFtZkG/TM6WE97FMbA4KC5stxG8SHCe4YFNrQlaM8Ozemd11MIJaSHSrvv+EWR1TDeg02U18qb3aiaamSX2M7B3JMKedOoBo1UQkLc/ePqG2kkKHVbc2plmePX5nl etCpM6++RUjpszvdkcihxxAUjJAcaWEAaaoOBnjCBmzAPBgNVHRMBAf8EBTADAQH/MB0GA1UdDgQWBBTZFxtRoxe3nvwt22H6eQD/WHSDXDafBgNVHSMEGDAWgBTZFxtRoxe3nvwt22H6eQD/WHSDXDAAOBGNVHQ8BAf8EBAMCAQYwOAyDVVR0fBDEwLzAtocugKYynaHR0cDovL2NhLmdvdi52bi9wa2kvcHVil2Nybc9yb290Y2EuY3JsMA0GCSqGSIlb3DQEBlBQUAA4IBAQAAbivpvhtC3w/9gWAh34UovGuSU

	wFDQOcmUTEhhJiADI18E49WBTeN1iC7oZhb1aFRQzW9e6NNgkSrCy5pik1gkdOtgb+qx2b3s9CCj8VnYwIADH9ziMmXPgyJLv0n9TqBj7yTW85Yc49er0nsDdvxSBqIJiui/SGD6ZMda/mztJnkrteTAka2zw2i46rcwTSURjyYEFfpj/foxEcCqAubXwldteNWjMhz07MrpXDa7OOGdn7pLpZElHmSCZR+ULILtrd3cTDAzRIIP9bNzg1wc0bf4IY9ErVFZAPlnx6wxxlIOWp+JBRpf1TiKu73Q990Pmcpk92bAk68y20xRII -----END CERTIFICATE-----
2 Chứng thư chữ ký số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (chứng thư chữ ký số SHA256)	-----BEGIN CERTIFICATE----- MIIFpzCCA4+gAwIbAgIIO2WwoDAG+aswDQYJKoZIhvcNAQELBQAwwYTELMakGA1UEBhMCV4xLzAhBgNVBAoMGkIhbiBDxqEgeeG6v3UgQ2jDrW5oIHBo4bunMS0wKwYDVVQDDDCRSb290Q0EgY2h1ecOqbiBkw7IuZyBDaMOtbmggcGjhu6cgRzIwHhcNMTgwODIyMDczNjM5WheNNDgwODE0MDczNjM5WjBhMQswCQYDVQQGEwJWJTJjMCEGA1UECgwaQmFuIEpGGoSB54bq/dSBDaMOtbmggcGjhu6cxLTArBgNVBAMMMJFJvb3RDQSBjaHV5w6pulGTDuW5nIENow6luaCBwaOG7pyBHMjCCAILwDQYJKoZIhvcNAQEBBQADggIPADCCAgogCggIBAKU35IPgByE9Ui+W0oLSZKNRXLWudIJLAicboYFz/2i2nmpEnDdPncAAhCf5NprFHWrwckuP8p+7NS6pRohMlkld6LweFSv7P47IWM1yFYpsiHKK5xWbsgtV5yoQc2sqzS3gzuxGacBIP0h4CZndlo2keOiTlhbxFpTwIT/YVdRAYPLIV/5lxKC5r4ET0VIs5wMVskL29N0g9u4LvJmJez0Cb3v33FZ4mbRk0X0FAQwMwC7KxloQKnZhTE35yYCEsk4Cp76pYQVMjVAZyeJIR6YSCuc55LAwUET7o4NAudijZTOJDO7PulUxQcsuv17rdk0pr+AGwi4b03FVQCY6oTcINewEYVjf2ul3eEMxJKQJ/NNNDhpf9LAf7lpCYsQhbxz10IeqzL5On+pSPqNKRncgjPfs0ek/8lpOoyc2diwjxAdFx2xjVrVS07mXM/G/cV8oWmBvgI/QD96gB6YsLc2DyIZuSHQzJGE312hn7/Gddq+Vj9Pqxytf5+GldxbWB1HQQ/aZD2kFX9A/jQQGutd/CTCcs2UCemQnJn261EnViUffQGX3m69n2DwM6O2QluagTxQYONCCEbv4rNy8MTwk7P1Bt8N7QaEloYXn8GT7XHrS8AaNSa7qON7/TG5TlyfJt5JYp2asGVwBQ5omnlvVGHHiHbseQ8dJB4CUhAgMBAAGjYzBhMA8GA1UdEwEB/wQFMAMBAI8wHwYDVR0jBBgwFoAUd3m69/O9+4YeExpel1JcqrpuRlQwHQYDVR0OBBYEFHd5uvfzvfUgHhMaXiNSXKq6bq5UMA4GA1UdDwEB/wQEAwIBBjANBgkqhkiG9w0BAQsFAAOCAgEAhfkZKfj1h6fTU43i8seYh6EUiEvdVd+D5k8iU5pfqT9CoZG1wm4TszJ6JQyok7c4OApKRYWT/cJkgI814FXN97rdTm/lzX2pU7Aga6j5mY0cozGq8YURYxpsjKdbcxcj6uK3wHBRa2YsZgy5UJsRK5Qj9+S2jjq5zuQdT+lr/YLMLGidun3Nt9u2O5XzgbaiAcvJ/6RHZQPI3FjyqHXIPBD4xg+Nlpfd0dQ1TkL/y+ykrTvdWlm0Hd0jCd49vRzL58lyqYs6dp1teaNy/yd0MIH9O8dDKW30ccu9YA93wiDBZ/4koxLFn5ftrFz7P1Az2f5MA3jZPRuvn6Gv95

	dOBW4IfnkB+uOno5b4sLMC4gwSAq4w8fdDW/D4QPYY/kHily0oj0JYIE8eY79/Sxz9VhPgCol0K9YHiCCOdpmg +oUWmpq+/zrEE7uc7+KUpQNTjxB+0c10kESKdK+jOrJQIWmKegDzZ8+fM9AMkveSw22T9VJ0t8sIIQaIFb0Y6k pszMD45v4p4Pc5MaoyJPfWMG4cAoPI0C8CWGte4D1UzmlfdTyD+ZW04Fb9xHUhewx6CAcDyH5sTjoN1k ZNie6aWQVg9RihjCzFStpnyCllbZiEep2bFDQhper6yHEhGtyM8MtqT220YJ25NXofQ+5+r+NfbtkMVr+VUE5O2 Bc= -----END CERTIFICATE-----
--	--

1.2. Thông tin về khóa công khai trên các chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

STT	Chứng thư chữ ký số gốc tin cậy	Thuật toán sinh khóa	Khóa công khai	
			Mô-đun n (Hexadecimal)	Số mũ công khai e (Hexadecimal)
1	Chứng thư chữ ký số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (chứng thư chữ ký số SHA1)	RSA 2048 bit	00:da:f3:bd:ec:64:be:0b:a5:e1:d4:54:9d:5e:86:31:cb:cb:75: e9:ca:ae:bc:d8:9d:5a:73:22:9e:fc:8a:30:4c:a9:67:06:f9:cb: be:00:94:b6:19:ba:98:75:bb:0e:e8:99:da:34:b4:b1:bb:1a:4c :ed:47:a3:8b:08:b6:40:14:de:d8:d5:c8:cb:84:ed:91:a7:5b:2 2:33:e5:40:75:08:7a:d4:d8:78:b4:c4:49:4c:34:bc:e1:2e:c2: d0:0c:d8:f5:66:a1:2a:5d:10:f1:70:e2:8d:3a:13:7f:cc:0a:d8: 8c:d1:f4:91:bb:2c:97:33:cb:ae:d0:4c:98:a9:4a:30:14:96:c4: 0c:44:6a:aa:53:de:53:4a:24:ba:db:20:cd:41:6d:66:41:bf:4c: ce:96:13:de:c5:31:b0:38:28:2e:6c:b7:11:bc:48:70:9e:e1:81 :4d:ad:02:1a:33:c3:b3:7a:67:75:d4:c2:09:69:21:d2:be:bb:f e:11:64:75:4c:37:a0:d3:65:35:f2:a0:77:6a:26:9a:99:25:f6:3 3:b0:77:24:c2:9e:74:ea:01:a3:55:10:90:b7:3f:78:fa:86:da:4 2:87:55:b7:36:a7:59:9e:3d:7e:67:d5:eb:42:a4:ce:be:45:48: e9:ce:f7:64:72:28:71:c4:05:23:24:07	0x10001

2	Chứng thư chữ ký số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (chứng thư chữ ký số SHA256)	RSA 4096 bit	00:a5:37:e4:83:e0:07:21:3d:52:2f:96:d2:82:d2:64:a3:51:c5:62:ee:74:82:4b:02:27:1b:a1:81:73:ff:68:b6:9e:6a:44:9c:37:4f:9d:c0:00:84:27:f9:36:9a:c5:1d:64:70:72:4b:8f:f2:9f:bb:35:2e:a9:46:88:4c:96:42:1d:e8:bc:1e:15:2b:fb:3f:8e:c8:58:cd:72:15:8a:6c:88:72:a4:e7:15:9b:b2:02:2d:57:9c:a8:41:cd:ac:ab:34:b7:83:3b:97:19:a7:01:94:fd:21:e0:26:67:76:5a:08:a3:69:1c:3a:24:c8:85:bc:45:a5:3c:08:4f:f6:15:75:10:32:3c:b2:15:ff:99:71:28:2e:6b:e0:44:f4:54:8b:39:c0:c5:6c:28:bd:bd:37:48:3d:bb:82:ef:26:62:5e:cf:40:9b:de:fd:f7:15:9e:26:6d:19:34:5f:41:40:43:03:30:0b:b2:b1:22:84:0a:9d:98:53:13:7e:72:60:21:2c:93:80:a9:ef:aa:58:41:53:23:54:06:72:78:9d:51:e9:84:82:b9:ce:79:2c:0c:14:11:3e:e8:e0:d0:2e:76:28:d9:4c:e2:43:3b:b3:ee:53:14:1c:b2:eb:f5:ee:b7:64:d2:9a:fe:00:6c:22:e1:bd:37:15:54:02:63:aa:13:72:53:5c:c0:46:15:8d:fd:ae:97:77:84:33:12:4a:40:9f:c d:34:38:69:bc:5f:4b:01:fe:e5:a4:26:2c:42:16:fl:cf:5d:08:a9:e a:b3:97:93:a7:fa:94:8f:a8:d2:91:9d:c8:23:3d:fb:34:7a:4f:fc:2 2:93:8e:c9:cd:9d:8b:08:fl:01:d1:71:db:18:d5:ad:54:b4:ee:65: cc:fc:6f:ff:71:5f:28:5a:60:6f:82:5f:d0:0f:de:a0:07:a6:2c:2d:c d:83:c8:86:6e:48:74:33:24:61:37:d7:68:67:ef:fl:9d:a9:df:95: 8f:d3:ea:c7:2b:5f:e7:e1:a5:77:16:d6:07:51:d0:43:f6:99:0f:69: 05:5f:d0:3f:8d:01:ae:b5:df:c2:4c:27:2c:d9:40:9e:99:09:c9:9f: 6e:b5:12:75:62:51:f7:d0:19:7d:e6:eb:d9:f6:0f:03:3a:3b:64:25 :b9:a8:13:c5:06:0e:34:20:84:6e:fe:2b:37:2f:0c:4f:09:3b:3f:50 :6d:f0:de:d0:68:42:28:61:79:fc:19:3e:d7:1e:b4:bc:01:a3:52:6 b:ba:8e:37:bf:d3:1b:94:e5:c9:f2:6d:e4:96:29:d9:ab:06:57:00: 50:e6:89:e7:d6:db:d5:18:78:87:6e:c7:10:fl:d2:41:e0:25:21	0x10001
---	---	-------------------------	---	----------------

2. Danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia

Danh sách chứng thư chữ ký số gốc tin cậy của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia được công bố tại đường dẫn: <https://rootca.gov.vn/>.